

Bản án số: 63/2024/HS-ST

Ngày: 05 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Hiêng

Bà Mùa Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/HSST-QĐ ngày 28/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn N**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1996 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản M, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; con ông: Lò Văn B (Đã chết) và bà Lương Thị X; Có vợ: Lý Thị N; có 01 con sinh năm 2018;

Tiền án: không.

Tiền sự: 01 tiền sự: ngày 16/6/2020, bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 18 tháng. Ngày 18/10/2021 bị cáo chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/8/2023 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lò Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1989 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N1, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông: Lò Văn H và bà Cà Thị X; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Toà án nào xét xử.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/8/2023 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982; Nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố Đ, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Tổ 05, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. “Có mặt”.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Trịnh Tiến T3, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn T3 xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. “Vắng mặt”.

+ Lường Thị X; Địa chỉ: Bản M, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. “Có mặt”.

+ Lý Thị N; Địa chỉ: Bản M, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 20/4/2023, do cần tiền tiêu sài, bị cáo Lò Văn N đã nảy sinh ý định tìm tài sản sơ hở của người dân để trộm cắp. Để thực hiện hành vi này, N điều khiển xe đạp mini màu hồng do bị cáo mượn của chị gái Lò Thị Lan PH2, mang theo một chiếc kim bằng kim loại đi từ nhà lên khu vực thành phố Điện Biên Phủ, đến khu vực cổng sau chợ Trung tâm 1, thuộc tổ 3, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, thấy một dãy nhà trọ không có cổng, N đi vào phòng trọ thứ hai của chị Nguyễn Thị H2 đang thuê trọ rồi dùng kim gạt khóa tuột khỏi cánh cửa để vào trong phòng trọ lấy 01 (một) chiếc nhẫn vàng tròn trơn to loại 10 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn vàng tròn trơn loại 3 chỉ và 01 (một) chiếc nhẫn vàng loại 3 chỉ có hình các đồng tiền xếp vào nhau, **tổng giá trị 90.432.000 đồng**. N giấu 03 chiếc nhẫn vào túi quần bỏ bên phải đang mặc rồi chốt khóa cửa phòng như cũ đi về. Trên đường về, N vào quán photocopy của chị Phạm Thị Thúy tổ 24, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên bán 01 chiếc nhẫn tròn trơn 03 chỉ với giá 1.000.000đ. Sau đó, N T tục đi về đến bản Phiêng Ban, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên thì gặp Lò Văn T đang đi xe máy. Tại đây, T hỏi N: “mày lấy trộm vàng ở đâu đấy?” N nói: “lấy trộm của nhà dân”. N nhờ T mang vàng đi bán hộ. T đồng ý cầm một chiếc nhẫn vàng 3 chỉ có hình đồng tiền xếp vào nhau rồi đi xe máy của T đến cửa hàng của anh Trịnh Tiến T3 tại thôn Tân Biên, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên bán được 14.500.000 đồng nhưng T chỉ đưa cho N 7.500.000 đồng nói là tiền bán nhẫn còn **7.000.000 đồng** T giữ lại cho bản thân, N nhận 7.500.000 đồng và đưa lại cho T 300.000 đồng. Sau đó N và T đi chuộc lại chiếc nhẫn vừa bán cho chị Thúy để T mang đến bán cho anh T3 được số tiền 14.500.000 đồng. T chỉ đưa cho N 6.500.000 đồng nói là tiền bán nhẫn còn **8.000.000 đồng** T giữ lại cho bản thân. N nhận 6.500.000 đồng và đưa lại cho T 700.000 đồng. Chiếc nhẫn tròn trơn 10 chỉ còn lại N mang về cất giấu ở nhà của N. Khoảng cuối tháng 4/2023, N lấy chiếc nhẫn trên mang ra thị trấn Tuần Giáo bán cho một người đàn ông không quen biết được số tiền 52.000.000 đồng. Sau đó N bắt xe khách đến huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên để làm thuê nhưng không có ai thuê thì đón xe khách về nhà.

Số tiền có được từ việc phạm tội, N và T đã chi tiêu hết. Trong đó, N có nhờ một người không quen biết chuyển khoản 10.000.000 đồng vào tài khoản của chị gái Lò Thị Lan PH2 để nhờ chị PH2 đưa cho mẹ để là bà Lường Thị X

và chuyển khoản 5.000.000 đồng cho vợ Lý Thị N nhưng N gọi điện nói với bà X và chị N số tiền trên là do bị cáo được ứng trước tiền lương đi làm thuê mà có, gửi về để cho người thân chi tiêu sinh hoạt. Bà X và chị N không biết số tiền bị cáo gửi về cho là do phạm tội mà có nên đã chi tiêu hết. Bị cáo T sau khi sử dụng xe máy đi bán vàng cùng với N bị ngã xe nên đã bán chiếc xe máy trên cho một người thu mua phế liệu không rõ tên, địa chỉ nên cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe máy trên.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị hại chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Trưa ngày 20/4/2023, chị H2 bị mất ba chiếc nhẫn vàng ta: hai chiếc nhẫn ba chỉ, một chiếc nhẫn mười chỉ, chị đựng trong hộp nhưng để tại phòng trọ của chị ở số nhà 105, tổ 03, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số nhẫn trên là tài sản riêng của chị, không liên quan đến chồng chị, tổng giá trị 03 chiếc nhẫn chị mua với giá khoảng 90.000.000 đồng. Ngoài 03 chiếc nhẫn trên chị không bị mất tài sản nào khác, trong phòng cũng không có dấu hiệu lục lọi, tuy nhiên khi chị đi về phòng trọ thì thấy khuyên cửa bị gãy, trên khoá cửa phòng có vết hằn, kiểm tra trong phòng thì bị mất 03 chiếc nhẫn, chị đã thay khuyên cửa và khoá Mi, chị đề nghị không nhận lại khuyên cửa và chiếc khoá mà cơ quan điều tra đã thu giữ. Quá trình điều tra, chị và bị cáo N đã thống nhất bị cáo N phải bồi thường cho chị 90.432.000 đồng và đề nghị công nhận. Đến ngày 28/12/2023, vợ bị cáo N đã đến xin lỗi chị và bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng. Chị đã nhận số tiền trên và có văn bản đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, đề nghị bị cáo N phải bồi thường số tiền là 75.000.000 đồng. Tại phiên toà, bị hại vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và bị cáo N phải bồi thường số tiền là 75.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị X, chị Lý Thị N thống nhất trình bày: Bà X là mẹ đẻ của bị cáo N còn chị N là vợ của bị cáo N. Khoảng cuối tháng 4/2023, bị cáo N có gọi điện cho mẹ và vợ nói được ứng trước tiền lương làm thuê nên có gửi 10 triệu qua tài khoản của chị gái Lò Thị Lan PH2 cho mẹ và gửi 05 triệu qua một số tài khoản bị cáo nhờ gửi cho vợ để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Bà X và chị N đều không biết số tiền bị cáo N gửi về do trộm cắp mà có nên đã chi tiêu hết, đến khi cơ quan điều tra thông báo thì gia đình Mi biết. Quá trình điều tra, bị cáo N đã khuyên nhủ gia đình bồi thường thay cho bị cáo để giảm bớt thiệt hại cho bị hại nên ngày 28/12/2023, chị N đã đến xin lỗi chị H2 và bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng. Chị H2 đã nhận số tiền trên và có văn bản đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và đề nghị bị cáo N phải bồi thường số tiền là 75.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc nhẫn vàng tròn trơn to loại 10 chỉ, bên trong khắc chữ “VANGRONGTHANGLONG 10 CHI 9999”; 01 (một) chiếc nhẫn vàng tròn trơn loại 3 chỉ khắc chữ “VANGRONGTHANGLONG 3 CHI 9999” và 01 (một) chiếc nhẫn vàng loại 3 chỉ có hình các đồng tiền xếp vào nhau là tài sản bị cáo đã trộm cắp. Thu giữ của bị hại: 01 ổ khoá Việt Tiệp, thân khoá màu đen, cao 7,5 cm rộng 5,5 cm, móc khoá bằng kim loại màu trắng, trên móc khoá có vết trầy xước kèm 02 chìa khoá; 01 móc khoá bằng kim loại màu đen dài 7,5 cm, một bên móc khoá đã bị gãy. Thu giữ của bị cáo N: 01 chiếc xe đạp mini, sơn màu hồng, trên xe có dán tem chữ “DAYGAWA”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/QĐ ngày 22/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ kết luận: 01 chiếc nhẫn tròn trơn, bằng vàng, khối lượng 10 chỉ bên trong có khắc chữ “VANGRONGTHANGLONG 10CHI 9999”, nhẫn đã qua sử dụng có giá trị 56.520.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng, tròn trơn, khối lượng 03 chỉ, bên trong có khắc chữ “VANGRONGTHANGLONG 3CHI 9999” nhẫn đã qua sử dụng có giá trị 16.956.000 đồng; 01 chiếc nhẫn kim tiền bằng vàng ta, khối lượng 03 chỉ, có hình các đồng tiền tròn xếp đan vào nhau, nhẫn đã qua sử dụng có giá trị 16.956.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên tại thời điểm ngày 20/4/2023 là 90.432.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ kết luận: 01 chiếc móc khoá cửa bằng kim loại màu đen, dài 7,5 cm một bên móc đã bị gãy có giá trị 0 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo và bị hại không khiếu nại về các Kết luận định giá nêu trên.

Về xử lý vật chứng, dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị H2 không yêu cầu bồi thường đối với chiếc móc khoá bị gãy do có giá trị nhỏ và ổ khoá vẫn còn sử dụng được, chị H2 đã thay móc khoá và ổ khoá Mi nên chị H2 không đề nghị nhận lại móc khoá và ổ khoá kèm chìa khoá cũ. Đối với 03 chiếc nhẫn vàng bị trộm cắp, quá trình điều tra, bị cáo N và bị hại thống nhất thoả thuận bị cáo N bồi thường cho bị hại số tiền là 90.432.000 đồng và đề nghị công nhận.

Tại Bản cáo trạng số 208/CT-VKSTPĐBP ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố: bị cáo Lò Văn N về tội "trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS; bị cáo Lò Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên toà:

* Các bị cáo khai nhận hành vi của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản Cáo trạng.

* Bị hại và bị cáo N thống nhất bị cáo N bồi thường cho bị hại số tiền là 75.000.000 đồng và đề nghị HĐXX công nhận thoả thuận trên.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Điện Biên Phủ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận thoả thuận của bị hại chị Nguyễn Thị H2 và bị cáo Lò Văn N về trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau: Bị cáo Lò Văn N phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền là 75.000.000 đồng. Bị cáo N không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền bồi thường trên theo điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Số tiền 16.000.000 đồng bị cáo Lò Văn T có được do thu lợi bất chính nên buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho chủ sở hữu chị Lò Thị Lan PH2 01 chiếc xe đạp mini màu hồng do bị cáo N mượn xe đạp dùng làm PH2 tiện phạm tội. Đối với 01 ổ khoá Việt Tiếp kèm 02 chìa khoá và 01 móc khoá là vật mang dấu vết tội phạm thuộc sở hữu của bị hại nhưng bị hại đề nghị không nhận các tài sản trên nên tịch thu, tiêu huỷ do không có giá trị.

Án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội và không có tranh luận gì. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đều xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Tiến T3: anh T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt có lý do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, anh T3 đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trưa ngày 20/4/2023, tại tổ 03, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Lò Văn N lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị H2 là 03 chiếc nhẫn vàng ta, tổng trị giá **90.432.000 đồng**. Sau khi lấy được tài sản, N cất giấu vào túi quần đang mặc bên phải rồi rời đi, trên đường đi N có gặp Lò Văn T, N có nói cho T biết về việc lấy trộm nhẫn của người dân và đề nghị T đi bán hộ nhẫn. T không hứa hẹn trước mà tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, lần thứ nhất T đi bán hộ N 01 chiếc nhẫn vàng ta 03 chỉ có hình đồng tiền xếp lên nhau, thu lợi cho bản thân 7.300.000 đồng; lần thứ hai T bán hộ N 01 chiếc nhẫn vàng ta 03 chỉ, thu lợi cho bản thân 8.700.000 đồng; cả hai lần T thu lợi bất chính **16.000.000 đồng**. Hành vi của các bị cáo đã hoàn thành và đều thực hiện với lỗi cố ý trực T. Với giá trị tài sản trộm cắp thì hành vi của Lò Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS còn hành vi của Lò Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 BHLS.

Tại phiên tòa, các bị cáo một lần nữa đã khai nhận lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội; phù hợp với kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự cũng như các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đầy đủ năng

lực để chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực T xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa p H2.

Về nhân thân: Ngày 16/6/2020, bị cáo N bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 18 tháng, đến ngày 18/10/2021 bị cáo Mi chấp hành xong, tính đến thời điểm phạm tội (ngày 20/4/2023) thì chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Điều đó thể hiện bị cáo N có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo N đã tác động gia đình để gia đình bồi thường cho bị hại 15.000.000 đồng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị hại sau khi nhận tiền bồi thường từ gia đình bị cáo N có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, tại phiên toà, bị hại vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N nên bị cáo N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian Mi có tác dụng cải tạo, giáo dục cũng như phòng, ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 BLHS thì ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thì các bị cáo không có việc làm thu nhập ổn định, cũng không có tài sản gì đáng kể, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị H2 không yêu cầu bồi thường đối với chiếc móc khoá bị gãy do có giá trị nhỏ và ổ khoá vẫn còn sử dụng được. Đối với số tiền bồi thường 03 chiếc nhẫn vàng ta bị trộm cắp, áp dụng Điều 48 BLHS và khoản 2 Điều 586 BLDS, chấp nhận về thoả thuận bồi thường giữa bị cáo Lò Văn N và bị hại Nguyễn Thị H2 như sau: Lò Văn N bồi thường cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 75.000.000 đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Đối với số tiền 16.000.000 đ (Mười sáu triệu đồng) bị cáo Lò Văn T có được do thu lợi bất chính đã chi tiêu cá nhân hết nên buộc bị cáo Lò Văn T nộp vào ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2

Điều 106 BLTTHS.

[6] Về vật chứng và các vấn đề khác:

Vật chứng là 01 chiếc xe đạp mini màu hồng thuộc sở hữu của chị Lò Thị Lan PH2, bị cáo N mượn chị PH2 để sử dụng nhưng chị PH2 không biết bị cáo sử dụng làm PH2 tiện phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu theo khoản 2 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Đối với 01 ổ khóa Việt Tiệp màu đen kèm 02 chìa khoá, 01 móc khoá bằng kim loại màu đen mang dấu vết phạm tội thuộc sở hữu của bị hại nhưng bị hại đề nghị không nhận lại các tài sản trên do không có giá trị nên tịch thu tiêu huỷ theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 1 Điều 106 BLTTHS.

Đối với chiếc kim bị cáo N sử dụng để phạm tội nhưng không nhớ để ở đâu, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên HĐXX không xem xét. Chiếc xe máy bị cáo T sử dụng để làm PH2 tiện phạm tội đã bán cho người không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xem xét.

Trong vụ án còn có những người liên quan gồm anh Trịnh Tiến T3, chị Phạm Thị Thúy không biết tài sản các bị cáo bán là do phạm tội mà có; Bà Lương Thị X, chị Lý Thị N và chị Lò Thị Lan PH2 không biết số tiền bị cáo chuyển đến là do phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý.

Bị cáo N khai đã sử dụng số tiền bán vàng để mua Heroine của người không biết tên và địa chỉ hết 300.000 đồng, bị cáo đã sử dụng hết số Heroine này. Ngoài lời khai của bị cáo thì không còn tài liệu nào chứng minh nên không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lò Văn N không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường cho bị hại.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS tuyên bố bị cáo **Lò Văn N** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 323 BLHS tuyên bố bị cáo **Lò Văn T** phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lò Văn N** 03 (ba) năm 06 (tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 25/8/2023).

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo **Lò Văn T** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 25/8/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ Điều 48 BLHS và khoản 2 Điều 586 BLDS: Chấp nhận thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Lò Văn N và bị hại Nguyễn Thị H2: Bị cáo Lò Văn N phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền là 75.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Buộc bị cáo Lò Văn T phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 16.000.000 đồng.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chủ sở hữu chị Lò Thị Lan PH2, địa chỉ: Bản M, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên 01 chiếc xe đạp mini sơn màu hồng, xe không có số khung, trên khung xe có dán tem có chữ “DAYGAWA”, phần nắp xích xe sơn màu trắng, xe có giỏ phía trước bằng nhựa màu hồng, xe đã qua sử dụng;

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 ổ khóa Việt Tiệp, thân khoá màu đen, cao 7,5 cm rộng 5,5 cm, móc khoá bằng kim loại màu trắng, trên móc khoá có vết trầy xước, khoá đã qua sử dụng kèm 02 chìa khoá và 01 móc bằng kim loại màu đen dài 7,5 cm, một bên móc đã bị gãy, móc đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lò Văn N và Lò Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lò Văn N không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường cho bị hại.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại chị Nguyễn Thị H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị N, bà Lương Thị X có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 05/02/2024). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Tiến T3 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự, báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự biết: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQ CSĐT Công an TP Điện Biên Phủ;
- Đội HSNV Công an TP Điện Biên Phủ;
- CQ THAHS Công an TP Điện Biên Phủ;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLIVLQ;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

